

# TÔNG CẢNH LỤC

## QUYÊN 26

Hỏi: Như điều nói trên, diệu chỉ khó nghe. Làm sao chóng dứt tâm nghi, sinh ra viên tín?

Đáp: Sở dĩ nói là khó tin là như trong một mảy trần có cả Đại thiên quyển kinh. Người không tin là lý của thật tướng, dừng lại trong tâm, chẳng nhọc xa tìm, gần mà chẳng biết, nói đó mà chẳng tin, nên nói là khó tin. Do đó, phải đủ sức tin lớn mới đoạn lưới nghi đây là môn khó hiểu khó vào, pháp khó xét khó biết. Như trên mũi kim nhọn dựng lập vô biên thân Bồ-tát, dùng sợi tơ trong ngó sen để treo núi Tu-di, chẳng nghĩ bàn trong chẳng nghĩ bàn, tuyệt huyền diệu trong tuyệt huyền diệu. Vì thế, trên pháp hội Pháp Hoa, Tôn giả Thân tử ba phen thừa thỉnh, bốn chúng kinh sợ nghi ngờ chỉ như năm ngàn người rời khỏi chỗ ngồi. Người có đức Thánh quả nghe nói trong các cõi Phật khắp mười phương chỉ có pháp Nhất thừa, mở quyền bày thật, chỉ thẳng tự tâm, còn là hoài nghi phủi chỗ ngồi mà dậy, hướng gì hạng người căn cơ yếu kém ở trong thời mật pháp. Chương ngăn đã sâu, chấp lầm rất nặng, bụi tình còn bít, lửa dục còn đốt, mà có thể mang vác việc lớn ấy ư? Vậy nên, khéo được môn đó, thành Phật chẳng lìa nơi đương niệm. Nếu mất yếu chỉ do tu nhân khổ nhọc trong nhiều kiếp, chỉ tại tâm tin, riêng không phương tiện. Chỉ vì cội nguồn của vào đạo là mẹ của công đức vậy. Các bậc Thánh xưa có nói: “Sáng tỏ là đức lớn ở ngày nay, mờ tối là vọng tuyệt ở nhiều đời. Hội hợp yếu chỉ là núi non dễ dời, trái ngược tông là cân lạng chẳng vào”. Tông Kính Lục đây chẳng lựa chọn nội đạo ngoại đạo, lợi căn độn căn, chỉ thấy nghe tin vào, đều chóng rõ nhất tâm, sự lý tròn đủ, như trong kinh Viên Giác nói: “Thí như biển lớn chẳng nhường dòng nhỏ, cho đến các loài nặng muối và A-tu-la uống nước đó đều được no đủ”. Như trong kinh Hoa Nghiêm có bài tụng rằng:

*“Thân tâm tin hiểu thường riêng”.*

Xưa trước giải thích rằng: “Cùng lý tương ứng mới gọi là thâm

tâm. Nếu xưa trước nhiệm nay tịnh thì có đầu , có đầu tức hẳn chung, chẳng phải thường tịnh vậy. Tin phiền não tức Bồ-đề mới là thường tịnh. Do xứng với bản tánh mà phát tâm vậy, xưa nay vốn là Phật, lại không thể tiến tới, như tại giữa hư không, lụi lại nơi nào? Xót thương chúng sinh mê mờ đó mà khởi đồng thể đại bi, thương tiếc xưa trước không biết thể mong sẽ chứng. Có bị nên chẳng bị vô biên chỗ lắng, có trí nên chẳng bị vô biên chỗ động, chẳng động chẳng lắng, thẳng vào trung đạo. Đó gọi là chân chánh phát tâm Bồ-đề. Lại nói: Tin thân danh Phật đồng như chúng sinh thì biết tên ta giống như tên Phật vậy. Tin pháp môn Phật tùy nghi mà lập, biết vọng niệm khổ tập nơi ta cũng toàn là pháp môn. Tin ý nghiệp Phật tỏa sáng chiếu khắp, thì biết tự tâm ta không nói chẳng hay biết, thì tất cả nhân quả lý sự đều là tánh chúng sinh có. Như tánh chẳng phải là vàng ngọc, thì tuy mài giũa cũng chẳng thành vật báu, bởi vì chúng sinh ôm tánh đức mà làm thể, căn cứ biển trí mà làm nguồn nên phải mở bày. Do đó, trong Bát-nhã Văn- thù phân rằng: “Nếu biết tánh ta tức biết không pháp, nếu biết không pháp tức không cảnh giới, nếu cảnh giới tức không sở y. Nếu không sở y tức không sở trú, mở bày như vậy, tin vào như vậy, thì là câu chân thật, cũng là câu Kim Cang, vì không hư giả và có thể phá hoại nên nói như vậy”. Như trong kinh Đại Tập nói: “Câu chân thật là như một pháp, tất cả pháp cũng như vậy, như tất cả pháp, một pháp cũng như vậy”. Lại nói: “Tâm một chúng sinh, tâm tất cả chúng sinh thấy đều bình đẳng, gọi là câu Kim cang. Vậy biết không có một pháp có thể được gọi là thâm tín, cứng chắc như Kim cang không thể cản trở hủy hoại. Không tin khả năng thấy Phật trong tâm, nếu có một pháp có thể tin tức là tà kiến, tất cả chẳng tin mới thành tin đó”. Như trong kinh Bát-nhã nói: “Nếu niệm tất cả pháp chẳng niệm Bát-nhã ba-la-mật, chẳng niệm tất cả pháp thì niệm Bát-nhã ba-la-mật. Hiểu được như thế, có thể gọi là thấu đạt thật tướng. Như trong kinh phẩm có kệ tụng rằng:

*“Với chư Phật quá khứ,  
Hiện còn hay sau diệt,  
Nếu có người nghe pháp,  
Không một chẳng thành Phật.  
Chư Phật vốn thế nguyện,  
Ta tu hành Phật đạo,  
Muốn tất cả chúng sinh  
Cũng đồng đắc đạo ấy.  
Chư Phật trong đời sau,*

Tuy nói trăm ngàn ức,  
 Vô số các pháp môn,  
 Kỳ thật là một thừa.  
 Chư Phật đáng phước tuệ,  
 Biết pháp thường không tánh,  
 Giống Phật theo duyên khởi,  
 Cho nên nói Nhất thừa.  
 Pháp đó trú ngôi pháp,  
 Tướng thế gian thường trú,  
 Nơi đạo tràng biết rồi,  
 Đạo sư phương tiện nói.  
 Nơi trời người cúng dường,  
 Hiện tại mười phương Phật,  
 Số đó như hằng sa,  
 Xuất hiện ở nơi đời,  
 Vì an ẩn chúng sinh,  
 Cũng nói pháp như vậy.  
 Biết tỉnh lặng thứ nhất,  
 Do sức phương tiện vậy,  
 Tuy bày các thứ đạo,  
 Kỳ thật là Phật thừa”.

**Giải thích:** Đức Bổn sư đưa tướng lưỡi rộng dài lên đến Phạm thiên, diễn nói lời chân thật, tỏa phòng hào quang xa đến một vạn tám ngàn, hiện điềm hiếm có, cho đến quả đất chấn động sáu thứ, trời mưa bốn loại hoa, nhẹ nhàng tiếng khảy móng tay vang khắp mười cõi nước, trăm ngàn thế giới chư Phật một đạo dung thông, dẫn Giác vương trong ba đời, đồng giải thích giảng giáo chỉ ấy, giao phó các bậc Đại sĩ ở mười phương cùng hiển bày tông yếu đó. Nên mười phương thật cầu, lại không pháp khác, luận bàn ngôi vị là ngôi vị rất thật, ngôn thuyên là thuyên đệ nhất. Có thể gọi là rốt ráo chỉ quy, về hành xứ chân thật. Nếu chỉ chí tâm đọc tụng, linh cảm khó nghĩ lường, trong lỗ chân lông ngậm chứa đầy mùi hương Tử đàn, lưỡi phô bày biến thành sắc màu sen hồng, huống gì tin hiểu ngộ vào như thuyết mà tu hành, cúng dường thì phước quá Chánh biến tri. Hành xứ thì có thể dựng tạo tháp Đức Như Lai. Có đại sự như thế, ai chẳng về nương, trừ hàng người ngu dốt, thật khó tin nhận. Lại như trong phẩm Thần Lực có kệ tụng rằng: “Sau khi Phật diệt độ, người hay trì kinh đây, chư Phật đều vui mừng, hiện vô lượng sức thần, giao phó kinh đó vậy. Ngợi khen người thọ trì, ở trong vô lượng

kiếp, còn chẳng thể hết được, công đức của người đó, vô biên không cùng tận, như mười phương hư không, không thể được ngăn mé, người hay trì kinh đây, thì là đã thấy ta, cũng thấy Phật Đa Bảo, và các Phật phân thân”. Nên biết chứng linh trí của một mảy may ấy, lượng vượt quá thái hư vô tận, như nhìn trong lỗ hồng khe cửa, thấy xa tới ngàn mé mười phương hiện sức thần thông giao phó, sợ lạc chấp văn đó, phát vui mừng để ngợi khen, chỉ tinh thông yếu chỉ đó. Ngày nay dùng với các tín sĩ có duyên, gặp người của chánh giáo đó, tự nghĩ lâu đời chướng sâu cấu nặng, chừ Phật ra đời, chẳng thấy ánh sáng, được gần bên hội giảng tự thân nghe chánh pháp. Lại nghĩ nguyện xưa trước có chút ít nhân tốt, nên ở trong thời mạt pháp gặp được Di giáo đây, đã mừng vui được gặp, lại xót xa điều chưa nghe, bèn mới lược nêu ra chánh giáo cốt yếu để chỉ bày cho người học sau, có thể gọi là mùi vị thật của đề hồ, mà không hay không biết, diệu môn cam lồ mà không hỏi không tin, mất lớn như thế thật đáng kinh sợ tâm thần. Như trong phẩm An Lạc Hạnh nói: “Phật bảo Đại Bồ-tát Văn thù Sư lợi rằng: Ở trong đời mạt pháp sau này lúc pháp muốn diệt, có người thì kinh Pháp Hoa đây, đối với người tại gia hay xuất gia, nên sinh tâm từ lớn, đối với hạng người chẳng phải Bồ-tát, nên sinh tâm bi lớn. Nên khởi ý niệm rằng: “Người như vậy là mất lợi lớn. Đức Như Lai dùng sức phương tiện, tùy cơ nghi giảng nói pháp, chẳng nghe chẳng biết chẳng hay chẳng hỏi, chẳng tin chẳng hiểu. Người đó tuy chẳng hỏi chẳng tin chẳng hiểu kinh này. Lúc ta chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, tùy họ ở xứ nào, ta dùng sức thần thông, sức trí tuệ, dẫn dắt khiến họ được sinh vào trong pháp đó”. Giải thích: Đối với bốn chúng tại gia hay xuất gia mà sinh tâm từ bi lớn tức là chỉ bày môn phương tiện nhất tâm của Đức Như Lai. Đức Từ có khen ngợi cho vui, đều khiến tin vào đồng chứng an lạc của bốn đức đại Niết-bàn đối với hạng người chẳng phải Bồ-tát, sinh tâm bi lớn, tức là hàng ngoại đạo tà kiến, người chẳng sinh chánh tín. Đức bi có khen ngợi nhờ trừ khổ tức là chỉ bày môn giải thoát nhất tâm của Đức Như Lai, đều khiến được ngộ được hiểu, trọn nhỏ sạch khổ của hai thứ sinh tử phần đoạn và biến dịch. Tông Kính Lục đây, về sau nếu gặp người tín tâm có duyên, hoặc sớm tối quên cả nhọc mệt, tinh cần mở xem, lấy sự tỏ ngộ làm kỳ hạn, chẳng báo khổ nhọc. Vì thế, các Đại Bồ-tát đều nghĩ ở trong đời xưa trước nổi trôi trong biển khổ làm việc không lợi ích, mất vô lượng thân mà đều không lợi ích. Lại nữa, nay còn ở trong nghiệp ác sinh từ, đều là diệu hạnh bất động của trong đời quá khứ. Nay gặp được chánh điển đây, có thể gọi là ngôi tham, chỉ nương

nhờ oai thần của Tam bảo, sức gia bị của chư Phật, không các việc khó, sớm được tâm khai khắp đến tất cả pháp giới hàm sinh, đều đồng ngộ đây, tức nguyện đó vậy. Phải biết viên tông hiếm gặp như hạt cải ném nơi mũi kim nhọn. Chánh pháp khó nghe, tợ rùa mù gặp bông cây gổ, nếu chẳng phải xưa trước huân đức giống thừa, lâu tích chứa căn lành, sao gặp được văn đây thân gần được truyền nhận, nên phải mừng may đội ân đức từ của Phật. Do vậy, người xưa hoặc trọng giáo kinh tài thì thua vàng như chợ, hoặc quên thân vì pháp thì đứng giữa tuyết nơi sơn tối. Vả lại, vàng là vật nổi ngoài thân, đâu sánh với chí giáo, mạng là nghiệp báo của một kỳ hạn, sao bằng với chánh thuyên, cho nên nhân nghe Bát-nhã kinh pháp sâu mầu lấy làm giống thừa, bèn được thừa, chóng thường lãnh hiệu Diệu âm, có thể đem thân làm đèn thục quy mạng cứng dường, dùng da làm giấy, dùng xương làm bút biên ghi thọ trì. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật bảo: “Này thiện nam! Đối với thừa thông thả mới gọi là thông thả, đối với giới thông thả, chẳng gọi là thông thả. Vị Đại Bồ-tát đối với Đại thừa đây, tâm chẳng biếng lười kiêu mạn, đó gọi là bản giới. Vì gìn giữ chánh pháp nên dùng nước Đại thừa mà tự tắm gội, cho nên Bồ-tát tuy hiện phá giới mà chẳng gọi là thông thả”. Luận Chỉ Quán nói: “Giới cần kíp, thừa thông thả là phụng sự giới nghiêm kíp mảy may chẳng phạm, ba thứ quán tâm trọn không mở giải. Vì giới cần kíp nên người trời thọ sinh, hoặc tùy theo Thiên Phạm thế vui đắm định lạc, ở đời tuy có Phật nói pháp độ người, mà đối với họ toàn không lợi ích. Nếu được gặp ngay chẳng thể mở hiểu, cả một nước Trung Hoa không hay không biết, ba ức thành Xá-vệ chẳng nghe chẳng thấy, đắm mê vui các trời và sinh nạn xứ chẳng lại nghe nhận, là ý đây vậy. Thí như người bị trói buộc, hoặc dùng của cải cầu người sức lực lớn, trải dài ngày tháng mong gặp ân xá. Ở trong trời người cũng lại như thế, mong thiện tri thức cảm hóa dẫn dắt tu thừa tức có thể được thoát, nếu ở trời người mà chẳng tu thừa. Khi quả báo hết trở lại đọa trong ba đường ác, trăm ngàn Phật ra đời trọn chẳng đắc đạo. Nếu lý sự đều thông thả thì trọn đọa lạc địa ngục A-tỳ, mất quả báo trời người, thần minh tối bít, không kỳ hạn đắc đạo, xoay chuyển trầm luân, không thể độ thoát. Nên biết ở nhà thế tục, trói buộc ngục ba cõi, chẳng cầu một niệm vượt ra, giống như người tán mất cấm, nên phải sinh ở nhà Như Lai, gặp thiện tri thức, lắng nghe chánh pháp đúng như lý mà tư duy, phụng sự giới lý giải thừa, song hành song chiếu, thân luật tâm tuệ đều tập đều trì, do giới cần kíp nên thọ nhận thân trời người, vì thừa cần kíp nên tiếp nối ngôi sáng ngôi vị Phật tổ, như vậy thì mới hợp với

bản nguyện chẳng phụ tâm ban đầu. Có thể trên hợp với Từ phong dưới đồng với Bi ngưỡng, khó gặp phương tiện tốt, lo sợ duyên sai, thành thật khuyên cùng các bậc Hiền giả chớ để thành hối hận sau. Lại nữa, văn ghi trong Tông Kính này chỉ vì hạng người căn cơ tối thượng, chẳng vào tay các chúng sinh khác, chỉ khiến giống Phật chẳng dứt, nghe điều chưa từng nghe, thề báo đáp ân từ, chẳng cô phụ bản nguyện. Nếu xen lẫn vào danh lợi chẳng phải hạng đầy đủ có đây. Như các bậc Cổ đức giải thích hàng đủ cơ trong Hoa Nghiêm giáo, chọn lựa phân ra năm thứ chẳng phải là căn khí: Một là, trái với chân chẳng phải căn khí, nghĩa là hạng chẳng phát tâm Bồ-đề chẳng cầu xa lìa, nương tựa kinh đây vì cầu danh lợi, trang sức ngã nhân, kinh chẳng phải duyên đó, nên chẳng phải căn khí đó. Trong kinh nói: “Vì cầu danh lợi mà giảng nói pháp đó là ma nghiệp”. Lại nói: “Bất tịnh giảng nói pháp, đọa lạc vào đường ác v.v...”; Hai là, nghịch với chánh chẳng phải căn khí, nghĩa là đối trá hiện bày đại tâm, hư ngụy trang sức tà thiện, gần thì phá diệt trời người, xa thì trái với thành Phật, đọa vào địa ngục A-tỳ trải qua nhiều kiếp chịu khổ. Trong kinh nói: “Đánh mất tâm Bồ-đề, tu các căn lành đó là ma nghiệp; Ba là, trái với thật chẳng phải căn khí, nghĩa là tuy chẳng tà ngụy, nhưng tùy theo tự chấp kiến, dùng lấy kinh văn, bèn khiến vượt tình đến giáo, hoàn toàn chẳng vào tâm, nên thành chẳng phải căn khí. Trong Địa Luận nói: “Nghe làm nghe hiểu, chẳng được chẳng nghe, lại như tùy theo nghe thủ lấy nghĩa năm thứ lỗi lầm v.v...” Ba vị trên đây đều là phàm ngu cảnh giới chúng sinh. Trong kinh nói: “Kinh đây chẳng vào trong tay tất cả chúng sinh, chỉ trừ hàng Bồ-tát. Do vì kinh này chẳng phải là duyên của chúng sinh lưu chuyển, nên chẳng vào tay”; Bốn là hẹp kém chẳng phải căn khí, nghĩa là tất cả hàng Nhị thừa không tâm rộng lớn, cũng chẳng phải căn khí kinh ấy. Trong kinh nói: “Tất cả hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng nghe kinh này, hướng gì là thọ trì”; Năm là chấp giữ quyền chẳng phải căn khí, nghĩa là hạng Tam thừa cộng giáo các Bồ-tát v.v... tùy theo trong tự tông mà tu hành, chưa đủ A-tăng-kỳ đầu, đó cũng chẳng phải căn khí. Trong kinh nói: “Vị Đại Bồ-tát tuy trải qua vô lượng ức na-do-tha kiếp hành sáu pháp Ba-la-mật, tu tập đạo phẩm, nếu chưa nghe kinh này, hoặc tuy nghe mà chẳng tin nhận trì tùy thuận, hàng đó còn là Bồ-tát giả danh”.

Hỏi: Trong kinh Anh Lạc v.v... nói trải qua mười ngàn kiếp tu mãn hạnh Thập tín, cơ sao trong đây trải qua vô lượng ức thời gian mà chẳng tin kinh này?

Đáp: Vì kia chỉ ở trong địa vị bố thí tu hành tín v.v... còn với Viên

tông đây, Thập tín của Phổ Hiền một gồm tất cả còn chưa nghe tin. Nên biết chẳng gặp văn đây, luồng công nhiều kiếp, mới nghe yếu chỉ đây bèn vào Viên thông, chỉ chẳng xen lẫn vào trong năm thứ chẳng phải căn khí trên thì trọn hẳn là giống Phật của Nhất thừa, có thể dùng tay được có thể dùng tâm đắc, rất mực căn dặn cùng các bậc hậu Hiền không nên để mất pháp lợi. Lại nữa, nếu ở quá khứ từng nghe pháp đây, chưa được tin vào, do vì sức pháp huân đúc mới khởi tâm nghi, nếu chưa từng nghe, nghi trọn chẳng khởi. Như luận Nhập Đại Thừa nói: “Hạng người phước mỏng, chẳng sinh nghi ngờ, hay sinh nghi ngờ hẳn phá các hữu”. Do đó, chấp trước có chúng sinh đều nhân nhiễm tập. Như sự bất định của nhẹ tay, dơ sạch đều tùy duyên, tợ vấy sắc của tơ trắng, xanh vàng mặc tình nhận lấy, hẳn là sức lực của văn huân, mỗi mỗi vào môn ba thừa, hướng gì nghe trong Tông Kính, chóng phát hạt giống Nhất thừa, chỉ miễn có tâm huân đều được thành. Trong luận Hoa Nghiêm nói: “Như trong thế gian tất cả suối giếng đều lấy biển làm thể, nếu người uống nước đó đều là mùi vị của biển một thể không khác, chỉ tùy theo nghiệp lực mà được vị mặn, kinh đây cũng vậy. Nếu chúng sinh có Đại tâm nghe trì tin vào, bèn được mùi vị pháp thân Như Lai, Phật tánh đại bi trí, hạng người xiển-đề không nơi kham nhận. Nhưng trí tánh Như Lai thường làm sinh nhân. Nên biết hạng người đủ tín căn lớn, nghe thành Phật đó, nếu là chẳng tin tức là xiển-đề. Nhưng tuy chẳng tin, cũng huân giống đó. Nên nói: “Nếu có người nghe pháp, không ai chẳng thành Phật”. Xưa kia, con nghêu dưới bùn nghe pháp mà sinh lên trời, con voi trong chuồng nghe kinh mà chừa bỏ ác, vị Tỳ-kheo đùa cười mà đắc quả vị, người nữ tư duy mà tỏ ngộ không”. Hướng gì nghe trong Tông Kính thuần là giáo nghĩa viên đốn. Như trong luật Thiện Kiến Luận rằng: “Xưa kia, lúc Đức Phật còn ở đời, đến bên cạnh ao Cala tại nước Chiêm-bà-la, vì đại chúng mà giảng nói pháp. Bấy giờ trong bùn nước đó có một con nghêu, nghe tiếng Phật giảng pháp bên bờ ao, liền từ ao nổi lên, lặn mò vào dưới cành cỏ, nghe Phật giảng pháp. Khi ấy, có người nắm roi chặn trâu, thấy Đức Phật ngồi giảng pháp cho đại chúng, bèn đi đến nơi chỗ Phật, muốn nghe giáo pháp nên cắm roi xuống đất, nhằm trúng vào đầu con nghêu, nó liền mạng chung, thần thức sinh lên cung trời Đao-lợi. Do nhờ phước báu nên cung điện rộng lớn mười hai do-tuần, cùng các thiên nữ vui chơi hưởng lạc, và bèn cưỡi cung điện đến nơi chỗ Phật, đem đầu mặt đánh lễ sát chân Phật, Phật rõ biết nên hỏi: “Ngươi là ai mà chợt đến lễ bái ta vậy? Và có ánh sáng thần thông, tướng tốt không ai sánh bằng tỏa chiếu suốt nơi này vậy?”



Nghêu trời bèn dùng kệ tụng mà đáp rằng:

*“Ngày trước làm thân nghêu,  
Ở trong nước kiếm ăn,  
Nghe tiếng Phật giảng pháp,  
Nên đến dưới cành cỏ.  
Có một người chẵn trâu,  
Nắm roi đến nghe pháp,  
Roi nhọn chích đầu con,  
Mạng chung sinh lên trời”.*

Đức Phật đem kệ tụng do nghêu trời nói mà vì bốn chúng giảng nói pháp. Khi ấy trong chúng có tám vạn bốn ngàn người đều đắc kiến đạo, nghêu trời chứng đắc quả Tu-đà-hoàn mỉm cười mà lui ra.” Trong luận Đại Trí Độ nói: “Xưa kia, vua chẳng lập chuồng ở chùa, nghĩa là vua đó có con voi có khả năng mạnh nhất nước, mỗi lúc có kẻ oán địch đến, thì nghiêm sức các thứ khí tượng, không trận nào đánh mà chẳng thắng, sau đó các nước địch thù địch đều sợ. Qua thời gian lâu không còn kẻ oán địch, vua bèn đưa voi đến trong chùa, làm chuồng để nuôi dưỡng, qua thời gian lâu, nghe chư Tăng lễ bái tụng niệm, voi huân đức tâm thuần thiện thành tánh. Về sau, có nước láng giềng đem binh lính đến xâm lấn, vua trang bị để cho voi để ra trận, nhưng voi đều chẳng chịu đánh, vua buồn rầu lo lắng nước nhà suy bại. Kẻ bề tôi có trí tuệ với vua rằng: “Voi ấy đã lâu ở nơi tịnh xá, thấy nghe việc thiện, do đó mà chuyển hóa, có thể đưa đến nơi phước đồ tể để thường thấy sự giết chóc”. Qua thời gian không bao lâu, tâm voi hung ác lại dần khởi”. Sức sinh còn vậy huống gì đối với người, gần thiện chẳng thiện, gần ác chẳng ác, nên trong sách Nho cũng khuyên Quân tử phải cẩn trọng điều tập quen vậy. Nay, nếu nghe Tông Kính, huân đức đầy khởi Nhất thừa rộng lớn khó lường, thiện lợi vô tận. Trong kinh Tạng Bảo Tạng nói: “Phật pháp rộng rãi tế độ không ngần mé, chí tâm cầu đạo, không ai chẳng đắc quả, cho đến đùa cười mà phước cũng chẳng luống mất. Như thời xưa có một vị Tỳ-kheo, tuổi đã già nua, tinh thần mờ tối, thấy các Tỳ-kheo tuổi trẻ giảng nói các pháp, nghe nói về Tứ quả, trong tâm bèn sinh ham chuộng, nói với Tỳ-kheo tuổi trẻ rằng: “Các vị thật là người thông tuệ. Xin đem tứ quả dùng để cho tôi!” Các Tỳ-kheo trẻ cười nhạt mà nói là: “Tôi có tứ quả, nhưng phải có được thức ăn ngon lành, sau đó sẽ ban cho”. Khi ấy vị Tỳ-kheo già nghe lời nói ấy rồi, vui mừng liền thiết bày các thức ăn ngon lành, mời các Tỳ-kheo tuổi trẻ ăn. Cùng ăn xong lại cùng chỉ chỗ đùa giỡn nói với vị Tỳ-kheo già rằng: “Đại đức!



Đến ngồi đầu một góc trong nhà này, chúng tôi sẽ ban quả .Vị Tỳ-kheo già nghe nói, vui mừng, vâng theo đến ngồi một góc. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi bèn đem cầu da đánh vào trên đầu vị Tỳ-kheo già mà nói: “Đây là quả Tu-đà-hoàn”. Vị Tỳ-kheo già nghe xong buộc niệm chẳng tán mất, liền chứng đắc sơ quả. Các Tỳ-kheo tuổi trẻ lại đùa giỡn mà nói: Tuy cho ông quả Tu-đà-hoàn, nhưng đó vẫn còn có bảy lần sinh bảy lần chết. Nên lại chuyển dời qua góc khác, tiếp theo sẽ ban cho ông quả Tư-đà-hàm”. Khi đó, vị Tỳ-kheo già do chứng đắc sơ quả nên tâm chuyển đổi tăng tiến, liền chuyển dời chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi lại dùng cầu đánh vào đầu, mà nói: “Ban cho ông nhị quả”, khi ấy vị Tỳ-kheo già càng thêm chuyên niệm, liền chứng đắc Nhị quả. Các Tỳ-kheo trẻ lại đùa giỡn mà nói: “Nay ông đã chứng đắc quả Tư-đà-hàm, vẫn còn có nạn sinh tử qua lại. Ông nên tiếp dời chỗ ngồi, chúng tôi sẽ ban cho ông quả A-na-hàm”. Khi ấy, vị Tỳ-kheo già lại vâng lời chuyển dời chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ lại dùng cầu đánh và nói: “Nay chúng tôi lại ban cho ông quả vị thứ ba”. Vị Tỳ-kheo già nghe rồi, vui mừng càng gấp bội chí tâm, và tức thời chứng quả A-na-hàm. Các Tỳ-kheo trẻ lại đùa giỡn mà nói: “Nay ông đã chứng đắc quả Bất Hoàn, nhưng hẳn ở nơi Sắc giới và Vô sắc giới nhận chịu thân hữu lậu, vô thường xoay chuyển hoại diệt, mỗi mỗi niệm đều là khổ. Ông nên chuyển đổi chỗ ngồi nữa, chúng tôi sẽ tiếp ban cho ông quả A-la-hán”. Khi đó vị Tỳ-kheo già cũng vâng lời mà chuyển đổi chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ lại dùng cầu tiếp liệng đánh vào đầu, mà nói rằng: “Nay tôi ban cho ông quả thứ tư đó”. Lúc đó vị Tỳ-kheo già tư duy nhất tâm, bèn liền chứng quả A-la-hán. Đã chứng đắc tứ quả rồi, lại rất vui mừng, vị Tỳ-kheo già thiết bày các thức ăn ngon lành, các thứ hương hoa dâng hiến các Tỳ-kheo trẻ để đền trả ân đức đó. Đồng thời cùng các Tỳ-kheo trẻ chung luận đạo phẩm, công đức vô lậu, các Tỳ-kheo trẻ mở lời nói năng kệt vượng. Khi đó vị Tỳ-kheo già mới nói rằng: “Tôi đã chứng đắc quả A-la-hán rồi”. Các Tỳ-kheo trẻ nghe nói như vậy, thấy đều sám hối tội đùa giỡn trước.” Cho nên người tu hành cần phải niệm thiện, cho đến đùa giỡn còn được quả báo thật, huống gì là chí tâm ư?

Lại nữa, trong kinh Tạp Bảo Tạng nói: “Xưa kia, có một người nữ thông minh trí tuệ rất kính tin Tam bảo, thường đến trong chúng Tăng lần lượt thỉnh một vị Tỳ-kheo đến nhà để cúng dường. Sau đó, có một vị Tỳ-kheo già theo thứ tự mà đến nhà đó, do tuổi già căn độn, vốn không hiểu biết. Sau khi thọ trai xong, người nữ ấy chí tâm cầu thỉnh giảng nói pháp, trải tòa trước đầu nhắm mắt mà ngồi yên lặng, vị Tỳ-kheo già tự

biết mình không biết giảng nói giáo pháp, nhân người nữ đó đang nhắm mắt, nên lần tránh bỏ chạy về chùa. Người nữ đó vẫn chí tâm tư duy các pháp hữu vi vô thường khổ không chẳng được tự tại, thâm tâm quán sát tức thời chứng đắc quả Tu-đà-hoàn. Đã chứng quả rồi bèn đến chùa tìm cầu muốn báo đáp ân đó, nhưng vị Tỳ-kheo già đó tự xét biết trốn lánh bỏ chạy như thế, càng rất xấu hổ, nên ẩn núp kín, mà người nữ đó vẫn khổ cầu không thôi. Vị Tỳ-kheo già mới tự xuất hiện. Người nữ đó đã thấy rồi, nói rõ may nhờ nhân duyên mà chứng đắc đạo quả, nên muốn thiết trai cúng dường để báo ân đó. Vị Tỳ-kheo già nghe thế càng rất xấu hổ, tự trách cứ mình, nên cũng chứng đắc quả Tu-đà-hoàn”. Cho nên người tu hành cần phải chí tâm tinh thành cầu pháp. Nếu chí tâm thì sự mong cầu hẳn sẽ chứng đắc. Chứng đắc Thánh quả như nói ở trên đâu có người trước vì giảng nói pháp sâu mâu ư? Đều là tự ngộ từ tâm mà chứng đắc. Có thể nghiệm ở Tông Kính, người trí không nghi ngờ. Như trong kinh Đại Thừa Bản Sinh Tâm Địa Quán nói: “Phật bảo: Nay ta giảng nói pháp môn tâm địa, dẫn dắt chúng sinh khiến vào trí Phật. Diệu pháp như vậy, chư Phật Như Lai trong vô lượng kiếp đến thời mới nói, cho đến do nhân duyên đó nên khó thấy khó nghe. Pháp môn tâm địa, Bồ-đề chánh đạo, nếu có thiện nam tín nữ nào nghe Diệu pháp đó một lần qua tai, chỉ trong khoảnh khắc nhiếp niệm quán tâm chuyển-thành hạt giống Đại Bồ-đề vô thượng, không bao lâu sẽ ngồi nơi tòa báu Kim Cang dưới gốc Bồ-đề thọ vương, đắc thành Vô thượng Bồ-đề”.

Trong phẩm Thập Địa ở kinh Hoa Nghiêm nói: “Bồ-tát Kim Cang Tạng nói: “Phật tử! Đây là nhóm tập công đức Nhất thiết chủng, Nhất thiết trí, sách pháp môn hạnh Bồ-tát, nếu các chúng sinh chẳng gieo trồng căn lành, không thể được nghe”. Bồ-tát Giải Thoát Nguyệt nói; “Nghe pháp môn này được bao nhiêu phước?” Bồ-tát Kim Cang Tạng đáp: “Như phước đức nhóm tập của Nhất thiết chủng, nghe pháp môn này, phước đức như vậy. Tại sao? Chẳng phải chẳng nghe pháp môn công đức này, mà có thể tin hiểu thọ trì đọc tụng, hướng gì tinh tấn đứng như thuyết mà tu hành”, cho nên phải biết muốn được nghe pháp môn tập Nhất thiết trí công đức này là có thể y tin hiểu thọ trì tu tập, sau đó đến nơi Địa vị Nhất thiết trí. Nên biết nếu chẳng nghe pháp môn viên đốn oai đức quảng đại chẳng thể nghĩ bàn này thì chẳng do đâu mà tu hành chóng chứng quả vị Đại Niết-bàn Thường lạc ngã tịnh Nhất thừa rất ráo. Vì chúng sinh ở trong bất định tụ, nghe tiểu tu tiểu, gặp quyền tập quyền, chẳng gặp văn đây, đều thành mất lợi lớn. Nay điều nhóm tập càng rộng nhiều, giả sử nghe mà chẳng tu cũng thành hạt giống đó,

huống gì nghe mà tư duy để tu hành. Như các bậc Tiên đức nói: “Như nay nếu cần muốn hiểu ngay, chỉ chẳng chấp thủ tất cả tướng tức được, lại không lời phân biệt, Phật là nghĩa của tự tâm, cũng gọi là đạo, cũng gọi là nghĩa của giác. Giác là tánh của Linh giác. Chỉ nay tự soi xét ngữ ngôn, ứng cơ tiếp vật, những mày máy mắt, đưa tay giở chân, đều là tánh của Tự linh giác, cũng gọi là tâm, tâm tức là đạo, đạo tức là Phật, Phật tức là thiền, một chữ của thiền chẳng phải điều phạm phu lường biết. Nếu biết các pháp từ tâm sinh tức không nên chấp, chấp tức chẳng biết, nếu chẳng thấy bản tánh, mười hai phần giáo thì là đối bày. Nên biết, nhân giáo mà tỏ rõ tâm, nào chấp ở văn nghĩa? Lại, giáo từ tâm sinh, tâm do giáo lập. Lìa tâm không giáo, lìa giáo không tâm, há ngoài tâm riêng có giáo mà có thể chấp ư? Do đó, trong Duy Thức Sở nói: “Nếu là môn đốn giáo, Đại chẳng do Tiểu khởi, tức không ba thời thứ lớp trước sau, tức thuyết Duy nhất tâm trong kinh Hoa Nghiêm, là mới thành đạo, một thuyết đầu tiên”. Lại nói: “Các loại ngu phu từ vô thủy đến nay, do sức nhân duyên hư vọng phân biệt, nên chấp lìa ngoài tâm nhất định có năng thủ sở thủ chân thật. Đức Như Lai đại bi dùng pháp cam lồ trao cho hạng người đó khiến uống để đoạn trừ tâm cuồng vọng, bỏ chấp có không, chứng liễu nghĩa thật. Trong kinh Hoa Nghiêm v.v... nói tất cả pháp đều chỉ có thức, do đó Phật chứng Duy thức nói kinh nhất tâm, khiến nương tựa tu tập. Giải thích: Bồ-tát Thiên Thận tạo kệ tụng thành lập kinh Phật, khiến các người học rõ biết muôn pháp đều chẳng lìa tâm, tức hiển bày nghĩa lý Trung đạo của Đại thừa vậy. Vậy biết tin của viên trung tin đây khó thành. Như trong Khởi Tín Sao nói: “Hỏi: Tín đây nếu nói vốn có, cơ sao chúng sinh nhiễm mê? Còn nếu là vốn không thì do đâu mà phát khởi? Đáp: Tín đây xưa nay vốn chẳng phải có chẳng phải không, vì chẳng phải có nên chúng sinh chìm đắm mê. Vì chẳng phải không nên gặp duyên tức khởi. Nếu nói nhất định không, vậy phát khởi vật gì? Nếu nói nhất định có, sao nhờ mượn nhân duyên? Nhưng điều nói trên là nói về nhân duyên mê ngộ mà nói. Nếu luận về Tín đây, phải chẳng tin tất cả pháp mới có thể thành tín, cũng chẳng phải có chẳng phải không. Tại sao? Vì chúng sinh bất giác, tự mê nhưng chẳng phải mê, chân tánh chẳng đắm chìm vậy, tức chẳng phải là chẳng phải có, vì một niệm trở lại gốc (bản), tỏ ngộ như chẳng phải ngộ, chẳng từ mới được vậy tức chẳng phải là chẳng phải không. Nên nói tự tâm khởi tin trở lại tin ở tự tâm. Lại nữa, cơ sao tâm này khó tin? Vì thể bản giác của Như Lai tức là tâm của chúng sinh, chư Phật Bồ-tát chẳng thể thấy. Thể bản giác của Như Lai lìa kiến tướng vậy, phải biết

tâm chúng sinh miên mật cũng chẳng thể thấy. Trong kinh Đại Phẩm nói: “Phật quán xét tâm chúng sinh, ngũ nhãn chẳng thể thấy, không tương tự tha năng sở”. Người xưa có lời thơ rằng: “Biển cạn trọn thấy đáy, người chết chẳng biết tâm”. Lại nói: “Biết tướng đầy thiên hạ, biết tâm có mấy người”. Do đó yếu chỉ sâu mâu của Tông Kính, Diệu môn nhất tâm, chẳng phải bậc Đại trí mà chẳng thể quán xét, chẳng phải hàng Đại căn mà chẳng thể tin. Quán xét đó tức ngang bằng trí Phật, tin đó tức vào Viên thông. Chỉ khẩn chí không nghi ngờ, quyết thủ lấy hoàn thành biện biệt. Như Quân tử nói: “Nơi chốn có lợi, tuy núi cao ngàn nhận, không đâu chẳng lên, dưới nguồn sâu tối, không đâu chẳng vào khách buôn thông giá, trăm đường cùng đi, đêm tiếp nối ngày ngàn dặm chẳng xa, vì lợi ở trước vậy, ngư nhân vào biển nước biển dẫu trăm nhận, xông lướt sóng tiền dòng, thâu đêm chẳng ra, vì lợi ở nước vậy.” Đó là chí cần khổ vì lợi ở thế gian, như nếu kiên trì cầu chí đạo, sớm tối quên nhọc mệt, chẳng hưởng ngoại mạng căn, rộng chí lắng tư lự, nơi thất lắng ngồi yên, khoan tay an thần, là lợi ở tâm vậy. Nơi chốn có lợi, cầu không gì chẳng được, hưởng gì đạo ở tại tâm, tin là không gì chẳng được vậy. Nên biết ngôn từ của Huấn cách chẳng được tạm xả bỏ, có thể đem ghìm nơi cốt, viết nơi dải áo, huân đúc ở thức. Do đó, sở trang khinh thường nước cả ngàn thừa mà quý trọng một lời nói của thân thúc. Phạm Hiến xem thường ruộng vạn mẫu, vì quý vài lời của Chu nhân. Đó mới là thành nhà lập nước còn khinh thường vật báu, quý trọng ngôn từ, hưởng gì ngay lời trong Tông Kính kế hợp vô sinh, nghe đó thành đạo lớn, nào dung chứa khinh mạn ư?

Hỏi: Nhất tâm đầy đủ thật tánh, phạm Thánh là danh từ hư vọng. Cơ sao lúc làm phạm mạnh dữ trói buộc các Hữu, lúc chứng Thánh, chợt nhiên đồng chân không? Mới biết chẳng chỉ là danh từ. Đích thực là có sự ấy chăng?

Đáp: Tuy có sự ấy nhưng đồng việc trong mộng, giả sử có danh đó, đều chẳng phải được danh của vật. Nên biết mộng tỉnh đều hư, danh thể đều lắng. Như trong Tịnh Danh Tư Ký nói: “Pháp tướng như vậy, đâu có thể chứng ư? Nếu nói thì nói có một pháp có thể đắc, còn pháp làm hiểu, lại là nghiệp sinh tử. Thời nay chỉ muốn khiến chúng sinh trừ tất cả kiến. Trong đây, liền không nghĩa ràng buộc, cũng không khéo léo giải thích, như người ban đêm nằm mộng thấy các thứ, so với đến lúc tỉnh toàn không một vật. Nay cũng vậy, hư vọng trong mộng nói có muôn pháp, nếu tổ ngộ tánh đó rốt ráo không một vật có thể được. Trong đây cũng không năng thuyết năng bày, cũng không năng nghe

năng đắc. Do đó, các loài dị sinh chẳng phải sa đọa ở phạm phu địa, nói mê toàn không, chư Phật chẳng chứng môn chân như, lúc ngộ không đắc, thì chẳng thấy có một pháp có thể đoạn, không môn của sinh tử hiện ra, chẳng thấy có một pháp có thể thành, không đường của Bồ-đề năng vào. Trong kinh Tư Ích nói: “Chư Phật xuất hiện nơi đời chẳng vì khiến chúng sinh ra sinh tử vào Niết-bàn, chỉ vì độ hai kiến của sinh tử và Niết-bàn vậy.” Trong kinh Hiện Bảo Tạng nói: “Văn thù Sư Lợi nói: “Đại đức Ca-diếp! Như người bị bệnh nhiệt, người đó vọng có các thứ nói năng, trong đó nào có quý thần gìn giữ ư? Có người thầy thuốc sáng suốt cho người đó uống váng sữa, thì bệnh nhiệt liền lành, dứt hẳn vọng nói, trong đó nào có quý thần bỏ đi ư?” Đáp: “Không vậy” “Cho đến thế gian bệnh nhiệt điên đảo như thế. Đối với vô ngã mà sinh ngã tưởng, trú ngã tưởng rồi lưu chuyển sinh tử, cho nên Đức Như Lai xuất hiện ở đời, tùy hình sắc ấy, ứng pháp môn giải mở, biết giải mở ngã tưởng, dứt đoạn điên đảo, vì chúng sinh đó mà giảng nói giáo pháp. Người đó đã nghe pháp rồi, trừ tất cả tướng, không còn chấp trước. Biết giải mở tướng rồi, trừ tất cả tướng, không còn chấp trước. Biết giải mở tướng rồi, vượt qua các dòng, đạt đến bờ kia, gọi là Niết-bàn. Trong đó, nào có ngã và chúng sinh thọ mạng, người dưỡng dục và trợ giúp phu có thể đắc Niết-bàn chăng?” Đáp: “Không vậy”. Văn thù Sư Lợi nói: “Vì lợi ích đó nên Như Lai xuất hiện nơi đời, chỉ vì hiển bày tướng bình đẳng vậy, chẳng vì sinh chẳng vì diệt, chỉ vì giải mở biết phiền não chẳng thật”. Giải thích: Đức Như Lai xuất hiện nơi đời chỉ vì hiển bày tướng bình đẳng là, phạm chấp vọng khổ mà cầu lìa, vọng Thánh lượng mà muốn tu, đều là vọng ngã hành xử, tình thức phân biệt, đó đáng Đại Hùng hiện vết, chỉ bày chánh tông, phá vọng ngã mà hiển bày môn chân ngã, phá kích tình thức mà quy về đạo Tịnh thức. Chân ngã Tịnh thức tức là tướng bình đẳng, vì Tịnh thức tuyệt phân biệt, chân ngã không chấp tình. Tuyệt phân biệt nên sai biệt tự mất, không chấp tình nên bình đẳng tự hiện. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Do tâm tánh người từ vô thủy cuồng loạn, tri kiến vọng phát, phát vọng chẳng dứt, nhọc kiến phát trần, như nhọc trông mắt thì có hoa cuồng, nơi linh minh lắng tịnh không nhân khởi loạn tất cả thế gian núi sông đất liền. Sinh tử Niết-bàn đều tức là cuồng nhọc tướng hoa điên đảo. Trong kinh Đại Bát-nhã nói: “Phật bảo: Thiện Hiện! Tất cả các pháp đều lấy không khởi không tác làm thú hưởng. Các Đại Bồ-tát đối với thú hưởng như vậy không thể vượt qua. Tại sao? Vì trong không khởi không tác, thú hưởng và chẳng phải thú hưởng đều không thể được vậy.” Trong kinh

Đại Tập nói: “Phật bảo: Nếu có Bồ-tát thành tựu phương tiện trí tuệ tự nhiên mà cầu Bồ-đề, ở trong ngũ ấm đây vì như thật biết nên cầu Bồ-đề. Bồ-tát đó biết sắc vô thường mà hành bố thí, cho đến thọ tướng hành thức cũng như thế. Biết thức vô thường nên hành bố thí. Biết thức khổ, biết thức vô ngã, biết thức chậm lụt, biết thức không trí, biết thức như huyễn, biết thức như ngựa hoang, biết thức như trăng đáy nước, biết thức như mộng, biết thức như ảnh, biết thức như âm vang, biết thức như vòng lửa xoay, biết thức vô ngã, biết thức không chúng sinh, biết thức không mạng, biết thức không nhân, biết thức không chủ, biết thức không dưỡng, biết thức như hư không, biết thức không tướng, biết thức không nguyện, biết thức không tác, biết thức không sinh, biết thức không khởi, biết thức không hiện, biết thức không hình, biết thức tịch tĩnh, biết thức lìa, biết thức không rốt cùng, biết thức không thành, biết thức cùng hư không ngang bằng, cho đến biết thức như tánh Niết-bàn mà hành bố thí. Bồ-tát lúc hành bố thí như thế, vì thí lìa nên biết thức cũng lìa, vì thức lìa nên biết thí cũng lìa. Vì thức thí lìa nên biết nguyện cũng lìa, vì nguyện lìa nên biết thức thí nguyện cũng lìa, vì thức thí nguyện lìa nên biết Bồ-đề cũng lìa. Vì Bồ-đề lìa nên biết thức thí nguyện lìa, mà biết tất cả pháp đồng tánh Bồ-đề. Nay thiện nam! Đó là Bồ-đề xuất thế gian Đản ba-la-mật.” Vậy biết, thức không nên tất cả phạm Thánh muôn pháp đều không. Vì thấu rõ không đây nên mới có thể hành Bồ-đề vô thượng, đầy đủ mười Ba-la-mật thì bi trí viên mãn, tự lợi lợi tha không khuyết. Đầy đủ bi trí đây, đâu là sở vi ư? Vì giống Phật chẳng đoạn vậy. giống Phật chẳng đoạn thì có tướng gì ư? Gọi là thành tựu ba đức, tức cứu hộ chúng sinh là thành tựu ân đức, đoạn dứt phiền não là thành tựu đoạn đức, rõ biết các hành là thành tựu trí đức. Do đó, vào Tông Kinh đây, máy động hay ngưng dừng chỉ là tâm, lại không một pháp nào có thể phá hoại. Như trong kinh Đại Hư Không Tạng Sở Vấn nói: “Thí như hữu tình hành trong hư không, mà hư không ấy không có phá hoại, cũng vậy, tất cả hữu tình đi trong chân như, mà chân như ấy không có đoạn hoại, Bồ-tát cũng như vậy, do dùng trí tuệ nên đối với sắc đối với pháp dùng chân như mà đóng dấu đó, chẳng ở chân như gián đoạn phá hoại, đó là Bồ-tát dùng ấn Như Lai đóng dấu nơi chân như, không gián đoạn trí khéo léo vậy.

Hỏi: Quy mạng Tam bảo là nương nhờ thắng duyên khác, pháp môn tứ đế là nương hai cảnh chân tục, cho đến các môn ba thừa, ba tạng, sáu độ, sáu thông, ba mươi bảy phẩm trợ đạo mười tám pháp quả vị bất cộng, cơ sao đều quy về chánh nghĩa nhất tâm mà đều Viên thông?



Đáp: Các thánh dùng vô vi mà được danh, viên tu dùng vô tác mà thành hạnh, chẳng phân biệt các cảnh, là chân thật điều phục tâm, rõ tất cả pháp không, thì thường tại Tam-muội. Trong kinh Siêu Nhật Tam-muội nói: “Biết sắc và tâm vốn không, đắc thành Phật quả nào khó” là nghĩa đây vậy. Nên biết tất cả các pháp, không gì chẳng do tâm, tâm nhiếp tất cả, như châu như ý không gì chẳng đầy đủ. Và lại, luận về Tam bảo, nghĩa rộng như hằng sa, nay y cứ theo các bậc cổ đức, ước theo môn ngũ giáo, sơ lược luận về hai thứ Tam bảo chung riêng Thứ nhất quán biệt luận Tam bảo: Một là, Tiểu thừa lấy vọng tâm tức không làm Phật bảo, tịch diệt làm pháp bảo và vô tránh làm Tăng bảo; Hai là, Đại thừa sơ giáo dùng vọng tâm không thể được làm Phật bảo, lìa tư duy làm pháp bảo và vô ngã làm Tăng bảo; Ba là, chung giáo dùng vọng tâm không tự tánh, tự tánh vô ngại làm Phật bảo, lấy rỗng lặng đó làm pháp bảo và lấy không điều mong cầu làm Tăng bảo; Bốn là, Đốn giáo dùng vọng tâm vốn không sinh làm Phật bảo, tuyệt niệm làm pháp bảo và không phân biệt làm Tăng bảo; Năm là, Nhất thừa Viên giáo dùng vọng tâm khởi không tướng mới đầu, chẳng động làm Phật bảo, dùng không phải quấy làm Pháp bảo và dùng không phải quấy làm Tăng bảo. Thứ hai là đồng thể Tam bảo: Một là, Tiểu thừa căn cứ ở môn lập sự căn cứ nghĩa, đem ngọn về gốc, bên cạnh nghĩa Giác chiếu trên Phật thể làm Phật bảo, bên cạnh nghĩa Quý tắc làm pháp bảo, trái ngược tranh cãi lỗi lầm hết làm Tăng bảo; Hai là Sơ giáo căn cứ ở môn hiểu sự từ lý, vì hay thấy tướng sai biệt của Tam bảo là bình đẳng nên dùng chân không làm Phật bảo, không ấy lìa tự tha làm pháp bảo và lìa ấy không hai làm Tăng bảo; Ba là, Chung giáo căn cứ ở môn lý sự dung hiển, vì trong tức sự có lý, trong lý có sự nên dùng Bản giác làm Phật bảo, dùng vô lượng tánh đức làm pháp bảo, dùng tánh đức không hai làm Tăng bảo; Bốn là, Đốn giáo ước ở môn tuyệt tướng lý thật. Vì Tam bảo là tướng vô vi cũng như hư không bình đẳng nên làm Phật, Phật tức là pháp, pháp tức là Tăng; Năm là, Viên giáo ước ở môn dung thông vô ngại, vì pháp giới các pháp không gì chẳng là bảo, do là bảo nên ước nghĩa mà luận đều là Phật bảo, theo quy tắc mà nói không gì chẳng là pháp, hòa hợp mà nói không gì chẳng là Tăng. Do đó, chẳng động chân tâm thành một thể báu. Tuy căn cứ căn có mà khai mở năm giáo, tùy trí mà mỗi mỗi chẳng đồng nhưng chẳng lìa môn nhất tâm mà phân lý chung riêng. Do đó, trong giáo chỉ nói “tự quy y Phật v.v...” trọn chẳng nói quy y ở tha. Nên nói tự tánh chẳng quay về thì không nói quay về. Phạm, quy (quay về) là nghĩa của Hoàn nguyên (trở lại



nguồn), sáu căn chúng sinh theo nhất tâm khởi, đã trái với tự nguyện lại rong tan theo sáu trần, nay hết thủy mạng căn đều gồm sáu tình quay trở về nguồn gốc nhất tâm đó, nên nói: “Quy mạng nhất tâm tức đầy đủ Tam bảo”. Phàm, Tam bảo một thể chỉ là nhất tâm, tâm tánh tự có khả năng giác chiếu tức là Phật bảo, tâm thể vốn là tự tánh gọi là pháp bảo, tâm thể không hai gọi là Tăng bảo. Trong kinh Tư Ích nói: “Biết pháp gọi là Phật, biết là gọi là Pháp. Biết vô vi gọi là Tăng, là Bồ-tát hành khắp. Biết Pháp gọi là Phật tức là Phật thật. Pháp thân Như Lai, Phật tức là Pháp nên Pháp tức là Phật, cũng như Như Lai tức là nghĩa như của các pháp, tiếp ứng điều hỏi Pháp tức là Phật, nghĩa đã giải thích, gì là Pháp vậy? Câu tiếp lại nói là tức là Pháp, vì tất cả pháp bản tánh là vậy. Tâm thể là niệm tức là giác vậy. Tiếp ứng điều hỏi pháp vốn tự là thì không sở tu, sao được có Tăng? Tiếp giải thích là biết vô vi gọi là Tăng, vô vi tức là Pháp, pháp vốn tự là. Do biết vô vi nên được thành Tăng. Nên trong kinh Đại Phẩm nói: “Do biết các pháp là không, phân biệt Tu-bồ-đề v.v...”. Nên trong kinh Đại Bát-nhã nói: “Bát-nhã thậm thâm biết tất cả pháp, bản tánh là vậy.” Lại nữa, Văn thù Sư lợi nói: “Như Phật Thế Tôn kham nhận cúng dường, vì đối với tất cả pháp, rõ biết thật tánh vậy”. Cho nên trong kinh nói: “Như thật rõ biết tất cả pháp, gọi là Đại xả”, giải thích: Đối với tất cả các pháp, thấy tự tánh của tâm, tức là rõ biết của như thật rốt ráo, tức là nghĩa chóng thành Phật, là nghĩa Tam bảo thường trụ thế gian, là nghĩa từ chân thật, là nghĩa bi đồng thể, là nghĩa đại hỷ xả, là nghĩa đầy đủ đàn Ba-la-mật, là nghĩa tất cả hạnh nguyện thành tựu. Lại nữa, Đại sư Tăng Sán hỏi Đại sư Tuệ Khả rằng: “Chỉ thấy Hòa thượng tức biết là tăng, chưa rõ gì là Phật? Gì là Pháp?” Đại sư Tuệ Khả đáp: “Tâm đó là Phật, tâm đó là Pháp, Pháp, Phật không hai. Ông biết đó ư? Nếu có người chẳng tin lời nói một thể Tam bảo của Phật tổ nêu dẫn trên, là yếu chỉ của quy y tự tâm thì chẳng chỉ quả báo về sau trọn sa đọa nơi địa ngục Nê-lê mà hiện tại cũng nhận chịu hoa báo ở nhân gian”. Như trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: Nay thiện nam! Nay ông không nên như hàng Thanh văn người phàm phu mà phân biệt Tam bảo. Đối với Đại thừa đây không có tướng của Tam quy phân biệt. Tại sao? Vì ở trong Phật tánh tức có pháp và Tăng. Vì muốn hóa độ hàng Thanh văn phàm phu nên phân biệt nói tướng khác của Tam quy.” Lại nói: “Nếu có không biết Tam bảo thường còn, do nhân duyên đó mà miệng lưỡi cháy tiêu, như miệng người bị lửa không biết sáu mùi vị ngọt đắng cay chua mặn lạt khác biệt. Tất cả chúng sinh ngu si vô trí không biết Tam

bảo là pháp trường tồn, cho nên gọi là miệng lưỡi tiêu chảy. Lại nữa, này thiện nam! Nếu có chúng sinh không biết Như Lai là Thường trú phải biết người đó là kẻ sống mù, nếu biết Như Lai là thường trú, người như vậy tuy có mắt thịt, nhưng ta vẫn nói đó là mắt trời. Lại, nếu trực tâm tin phục vào trong Tông Kính, trong khoảng sát-na niệm niệm thấy nhất tâm Tam bảo thường hiện ở thế gian. Hoặc chướng nặng ngăn che sâu trải qua số kiếp như bụi trần trọn chẳng xét tin, còn chẳng nghe tên Tam bảo, đâu gặp được đạo nhất chân. Như trong kinh Pháp Hoa có kệ tụng rằng:

*“Chúng sinh đã tin phục,  
Thẳng ngay ý mềm dịu,  
Nhất tâm muốn thấy Phật,  
Chẳng tụ tiếc thân mạng.  
Nay ta cùng chúng tăng,  
Đồng ra khỏi Linh thứu.  
Ta nói cùng chúng sinh,  
Thường ở đây chẳng diệt.  
Do dùng sức phương tiện,  
Hiện có diệt chẳng diệt”.*

Cho đến “các chúng sinh tội khổ, do nhân duyên ác nghiệp, qua A-tăng-kỳ kiếp, chẳng nghe tên Tam bảo. Có tu các công đức, nhu hòa và ngay thẳng, thì đều thấy thân ta, ở tại đây nói pháp”. Nên biết người thân gần thấy Phật thân gần nghe pháp khó được. Tôn giả A-nan suốt hai mươi năm làm thị giả Phật còn chẳng thấy mặt Phật chỉ quán sát cứu đời, xoay chuyển trong sáu thú, lại chỉ cùng duyên tâm nghe pháp, pháp đó cũng là duyên, chẳng phải đặc pháp tánh. Như trong kinh Đại Bảo Tích nói: “Sa-môn thật hạnh dùng chánh pháp thân còn chẳng thấy Phật, hướng gì là hình sắc, dùng không mà xa lìa còn chẳng thấy pháp hướng gì là tham trước âm thanh ngôn từ, dùng pháp vô vi còn chẳng thấy Tăng hướng gì đang thấy có chúng hòa hợp”. Lại nữa, Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi các vị Tỳ-kheo: “Các ông từ đâu mà nghe pháp?” Đáp: “Không có năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, từ đó mà nghe pháp”. Lại hỏi: “Các ông là đệ tử ai?” Đáp: “Vô đặc vô tri, là đệ tử đó vậy”. Do đó, tỏ ngộ mới biết chẳng phải điều chỉ bày của ngôn từ. Lại nữa, tâm là khổ, thật tế gọi là khổ đế, tâm tánh không hòa hợp gọi là Tập đế, tâm vốn tịch diệt danh lễ Diệt đế, tâm vốn viên thông gọi là Đạo đế. Quán tâm không là vượt ngoài Thanh văn thừa, quán tâm giả là vượt ngoài Bồ-tát thừa, quán tâm trung là vượt ngoài chư Phật

thừa, quán tâm thật tướng chẳng phải sắc chẳng phải tâm, chẳng đồng với ngoan ngại nên chẳng phải sắc, chẳng đồng với thọ v.v... vọng tình phân biệt nên chẳng phải tâm. Chẳng phải sắc chẳng phải tâm dùng làm giới thể vượt ngoài Luật tạng. Trong kinh Quảng Bác Nghiêm Tịnh nói: “Nếu hay trì kinh đây, đầy đủ tất cả giới”. Kinh Kim Cang Tam-muội nói rõ về Bản giác, Phật bảo: “Người như vậy chẳng còn hai tướng, tuy không xuất gia nhưng chẳng ở tại gia, tuy không pháp phục, tuy chẳng đủ giới, nhưng hay dùng tự tâm vô vi, tự tứ mà được Thánh quả”. Trong kinh Đại Bảo Tích nói: “Văn thù Sư lợi nói: “Tất cả các pháp rốt ráo tịch diệt, tâm tịch diệt nên gọi là cứu cánh Tỳ-ni”. Lại nói: “Nếu chẳng đắc tâm thì không niệm giới, nếu chẳng niệm giới thì không tư tuệ, nếu chẳng tư tuệ thì không trở lại khỏi tất cả nghi hoặc. Đã không nghi hoặc thì chẳng trì giới, nếu chẳng trì giới thì gọi là chân thật trì giới vậy”. Trong kinh Văn thù Sư lợi Sở Vấn nói: “Nếu đem tâm phân biệt nam nữ, chẳng phải nam chẳng phải nữ v.v... là Bồ-tát phạm Ba-la-di”. Trong kinh Bồ-tát Anh Lạc Bản Nghiệp nói: “Giới của tất cả Bồ-tát phạm thánh đều tận tâm làm thể, cho nên tâm cũng tận mà giới cũng tận, tâm vô tận nên giới cũng vô tận.” Trong kinh Đại Thừa Thiên Bát Đại Giáo Vương nói: Một là tất cả tâm pháp của Như Lai, tự tánh Kim cang xưa nay thanh tịnh, rốt ráo vắng lặng, Bồ-tát nếu ở trong tánh Đại thừa hay trì mười thứ trọng giới, rõ biết tâm chân tịnh, rõ thấy tâm tánh không nhiễm không đấm, cho nên Bồ-tát hay trì mười thứ trọng giới. Đó gọi là chẳng hoại Tỳ-ni. Lại nữa, tất cả các pháp thiện ác v.v... có thể làm khuôn phép, có thể thọ trì vượt ngoài kinh tạng, quán tâm hay nghiêm xét diệu nghĩa vượt ngoài luận tạng. Do đó, bố thí nhận tâm buông xả, là thí môn của tròn đầy thanh tịnh, giới nhân tâm trì, thành tịnh luật của tự tánh, nhấn nhục nhân tâm thọ, đầy đủ đại nhẫn của vô sinh. Tinh tấn nhân tâm tạo tác, đầy đủ tấn môn của mạnh mẽ, năng quán tâm tánh, gọi là Thượng định, thì Thiên nhân tâm phát. Bát-nhã linh soi cùng sâu suốt tối thì trí từ tâm khởi, tức là sáu Ba-la-mật. Nên trong kinh nói: “Không tâm chẳng động, đầy đủ sáu Ba-la-mật”. Tại sao? Trong kinh nói: “Không thể cho gọi là bố thí”. Há ngoài tâm có pháp, có tướng có thể trú ư?” Trong kinh có kệ tụng rằng:

*“Giới tánh như hư không,  
Người trì là mê trái”.*

Sao chấp sự pháp mà phân trì phạm ư? Trong kinh nói: “Nhẫn là trong khoảng sát-na cùng tận tất cả tướng và các sở duyên”. Lại nói: “Sao gọi là Bồ-tát năng trì nhấn nhục? Phật dạy: “Thấy tướng tâm từng

niệm diệt”. Đâu có thể phục áp tự tâm đối trị cảnh trước, mà làm nhẩn thọ ư? Trong kinh có kệ tụng:

*“Nếu tâm hay chẳng khởi, Tinh tấn không  
ngần mé”.*

Lại nói: Sao gọi là Bồ-tát năng hành tinh tấn? Phật dạy: “Cầu tâm không thể được”. Sao đấm trước hữu vi, vọng dấy khởi lao lự ư? Trong kinh nói: “Chẳng thấy tướng tâm gọi là chánh định”. Đâu lánh ồn náo mà giữ lấy lắng trần ư? Trong kinh nói: “Chẳng cầu tánh tướng nhân duyên các pháp, gọi là chánh tuệ”. Đâu có ngoài theo văn ngôn, gượng sinh hiểu biết ư? Vậy biết, ngoài tâm thấy pháp, đều gọi là ngoại đạo. Nên trong kinh nói: “Ngoại đạo thích các thấy”. Nếu rõ ngay tự tâm thì chẳng bị các thấy làm lay động. Như trong kinh nói: “Bồ-tát không thấy gì”. Tức không có gì. Không có gì tức là tất cả các pháp. Phàm, nói không thấy gì là chẳng phải lìa tất cả pháp mà nói là không thấy gì, tức thấy tất cả pháp mà không thấy gì. Vì không có gì tức tất cả pháp, tất cả pháp tức không có gì vậy. Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Pháp pháp nào tướng trạng?” Do đó, trong kinh có kệ tụng rằng: “Nếu hay trừ màn mắt, lìa bỏ ở sắc tướng, chẳng thấy nơi các pháp, thì được thấy Như Lai”. Pháp sư Đại Túc lúc sắp thị tịch viết trên vách tường bài kệ tụng rằng:

*“Thật tướng nói nghĩ lấy, Chân như tuyệt  
thấy nghe. Đây là an chỗ an,  
Dị học chỉ như thế”.*